

Bản án số: 48/2023/HS-PT
Ngày 13- 4-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Sỹ Trứ.

Các Thẩm phán: Ông Lê Quân Vương.

Ông Trương Văn Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hồng Thái - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Bà Ngô Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 3, ngày 06 và 13 tháng 4 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 13/2023/TLPT-HS ngày 31 tháng 01 năm 2023 đối với bị cáo Trần Thị Hồng Nga và các bị cáo khác, do có kháng cáo của các bị cáo và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 382/2022/HS-ST ngày 21/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Trần Thị Hồng N, sinh năm 1988 tại tỉnh An Giang; nơi cư trú: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; tạm trú: số 7/28, đường số 6, khu phố T, phường D, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; giới tính: nữ; con ông Trần Văn N và bà Trần Thị Bạch H; bị cáo có chồng tên Nguyễn Văn C và 01 người con, sinh năm 2017; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2012/HS-ST ngày 29/9/2012 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xử phạt 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”, bị cáo chấp hành xong thời gian thử thách ngày 28/9/2014; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/4/2022 đến ngày 12/4/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn tạm giữ bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

2. Dương Thị S, sinh năm 1990 tại tỉnh An Giang; nơi cư trú: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; tạm trú: số 8/27, khu phố T, phường D, thành phố D,

tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 4/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nữ; con ông Dương Văn H và bà Trần Thị H; bị cáo có chồng tên Nguyễn Văn T (đã ly hôn) và 01 người con, sinh năm 2008; tiền án: không, tiền sự: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/4/2022 đến ngày 27/7/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

3. Nguyễn Thị P, sinh năm 1978 tại tỉnh An Giang; nơi cư trú: ấp V, xã V, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 01/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Hòa Hảo; giới tính: nữ; con ông Nguyễn Văn B và bà Võ Thị R (đã chết); bị cáo có chồng tên Nguyễn Văn T và 02 người con; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/4/2022 đến ngày 10/5/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh, có mặt.

4. Đoàn Văn M, sinh năm 1986 tại tỉnh An Giang; nơi cư trú: ấp P, xã A, huyện T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: lái xe; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Hòa Hảo; giới tính: nam; con ông Đoàn Thành T (đã chết) và bà Võ Thị E; bị cáo sống chung như vợ chồng với Dương Thị S và có 01 người con; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/4/2022 đến ngày 10/5/2022, được thay đổi biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh, có mặt.

5. Trương Văn T, sinh năm 1990 tại tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú: ấp H, xã T, huyện U, tỉnh Kiên Giang; tạm trú: số 139, tổ 12, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; con ông Trương Văn V và bà Lê Thị C; bị cáo có vợ tên Đặng Thị Đ và 02 người con; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/4/2022 đến ngày 10/5/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh, có mặt.

6. Bùi Thanh Th (tên gọi khác: O), sinh năm 1984 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: ấp N, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 4/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nữ; con ông Bùi Xuân P (đã chết) và bà Phạm Thị H; bị cáo có chồng tên Trần Văn T và 02 người con; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/4/2022 đến ngày 10/5/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh, có mặt.

- Các bị cáo bị kháng nghị:

1. Nguyễn Phương A, sinh năm 1980 tại tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú: ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: thợ hồ; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Huỳnh Thị N (đã chết); bị cáo có vợ tên Võ Thị Thu H và 01 người con; tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 305/2019/HS-ST ngày 27/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh

Bình Dương xử phạt 02 năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, chấp hành xong hình phạt ngày 29/8/2020, đóng án phí ngày 25/12/2019; tiền sự: không; nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2016/HS-ST ngày 04/3/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt 03 tháng 21 ngày tù về tội “Đánh bạc”, chấp hành xong hình phạt ngày 04/3/2016, đóng án phí ngày 13/8/2016; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/4/2022, có mặt.

2. Nguyễn Văn C, sinh năm 1986 tại tỉnh An Giang; nơi cư trú: ấp P, xã T, huyện T, tỉnh An Giang; tạm trú: số 7/28, đường số 6, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 3/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Châu Thị P; bị cáo có vợ tên Trần Thị Hồng N và 01 người con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 166/2005/HS-ST ngày 25/11/2005 của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 15 năm tù về tội “Cướp tài sản” và tội “Cướp giật tài sản”, chấp hành xong hình phạt ngày 03/01/2016, đóng án phí ngày 11/12/2008; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/4/2022, có mặt.

3. Trần Văn Trà E, sinh năm 1984 tại tỉnh Cà Mau; nơi cư trú: ấp 3, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: phụ hồ; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; con ông Trần Văn C (đã chết) và bà Ung Thị M (đã chết); bị cáo có vợ tên Võ Thị Bé S và 03 con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 134/QĐ-XPVPHC ngày 15/8/2011 của Công an huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xử phạt 2.000.000 đồng về hành vi đánh bạc; Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 7974/QĐ-XPVPHC ngày 12/12/2018 của Công an huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xử phạt 2.000.000 đồng về hành vi đánh bạc, đóng phạt ngày 13/12/2018; bị tạm giữ, tạm giam ngày 11/4/2022, có mặt.

4. Bùi Thanh Th (tên gọi khác: O), sinh năm 1984 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: ấp N, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 4/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nữ; con ông Bùi Xuân P (đã chết) và bà Phạm Thị H; bị cáo có chồng tên Trần Văn T và 02 người con; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/4/2022 đến ngày 10/5/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Phan Thúc Đ - Là Luật sư Công ty luật TNHH Hăng luật Quốc tế Bình Dương - Chi nhánh Bình Dương, là người bào chữa cho các bị cáo: Dương Thị S, Nguyễn Thị P, Đoàn Văn M và Trương Văn T

Ngoài ra, trong vụ án còn có 9 bị cáo khác và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án nhưng không kháng cáo và không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị P, Huỳnh Hữu N, Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị Q, Trần Văn Trà E, Nguyễn Thị L, Nguyễn Phương A, Nguyễn Thị Mỹ V, Huỳnh Thị T, Bùi Thanh Th, Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Thị Kim E, Dương Thị S, Nguyễn Thị P, Đoàn Văn M, Trần Thị Hồng N, Trương Văn T là bạn bè quen biết và ở trọ gần nhau. Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 11/4/2022, các bị cáo đến tại phòng trọ của Nguyễn Thanh T cũng là bạn bè quen biết tại địa chỉ: số 18, đường số 6, khu phố Thống Nhất 1, phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương để đánh bài binh Ẩn Độ 06 lá thắng thua bằng tiền. Hình thức chơi, mỗi ván bài người làm cái sẽ chia 06 lá cho 07 tụ, người tham gia chơi bài sẽ tự phân chia thành 02 tụ nhỏ, mỗi tụ gồm 03 lá sao cho có số điểm lớn nhất để thắng thua với người làm cái. Số tiền đặt cược từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng. Cứ 01 tiếng đồng hồ, người làm cái sẽ xâu cho T 300.000 đồng. Các bị cáo đánh bạc đến khoảng 23 giờ cùng ngày thì bị Đội cảnh sát hình sự Công an thành phố Dĩ An bắt phạm tội quả tang. Quá trình điều tra, xác định được số tiền các bị cáo tham gia đánh bạc, cụ thể như sau:

Nguyễn Thanh T là chủ nhà trọ, cung cấp bài, nước uống cho những người đánh bài. Trước khi bị bắt đã thu 600.000 đồng, khi Công an bắt quả tang thu giữ trong người số tiền 600.000 đồng.

Dương Thị S mang theo 10.000.000 đồng dùng để đánh bạc, quá trình chơi thắng 6.000.000đ. Bị thu giữ trong tiền tang 2.000.000đ (trong đó có 1.000.000đ của N), thu trong người 15.000.000 đồng.

Nguyễn Thị P mang theo 2.600.000 đồng để đánh bạc, hùn với Nguyễn Thị Kim L mỗi ván 100.000 đồng, quá trình chơi thua 100.000 đồng. Bị thu giữ trong tiền tang 100.000 đồng, thu trong người 2.400.000 đồng.

Nguyễn Thị P mang theo 7.000.000 đồng dùng để đánh bạc, quá trình chơi thắng 3.000.000 đồng, bị thu giữ trong người 10.000.000 đồng.

Đoàn Văn M mang theo 4.500.000 đồng dùng để đánh bạc, quá trình chơi thua 3.700.000 đồng, bị thu giữ trong người 800.000 đồng.

Trần Thị Hồng N mang theo 16.000.000 đồng dùng để đánh bạc, quá trình chơi thua 3.300.000 đồng, thu giữ trong tiền tang 200.000 đồng, thu trong người 12.500.000 đồng.

Huỳnh Hữu N mang theo 2.000.000 đồng dùng để đánh bạc, quá trình chơi không thắng không thua, bị thu giữ trong người 2.000.000 đồng.

Nguyễn Văn C mang theo 2.200.000 đồng dùng để đánh bạc, quá trình chơi thắng 1.700.000 đồng, thu giữ trong tiền tang 400.000 đồng, thu giữ trong người 3.500.000 đồng.

Trương Văn T mang theo 10.000.000 đồng dùng để đánh bạc, quá trình chơi thua 800.000 đồng, thu giữ trong tiền tang 8.500.000 đồng, thu giữ trong người 700.000 đồng.

Nguyễn Thị Q mang theo 400.000 đồng dùng để đánh bạc, quá trình chơi thua 150.000 đồng, bị thu giữ trong người 250.000 đồng.

Trần Văn Trà E mang theo 3.800.000 đồng dùng để đánh bạc, quá trình chơi thua 1.800.000 đồng, thu giữ tiền tang 2.000.000 đồng.

Nguyễn Thị L mang theo 5.000.000 đồng dùng để đánh bạc, quá trình chơi thua 1.000.000 đồng, thu giữ trong người 4.000.000 đồng.

Nguyễn Phương A mang theo 6.000.000 đồng dùng để đánh bạc, quá trình chơi thắng 1.000.000 đồng, thu giữ trong người 7.000.000 đồng.

Nguyễn Thị Mỹ V mang theo 1.000.000 đồng, hùn với Nguyễn Thị Kim Em, không bị thu giữ gì.

Huỳnh Thị T mang theo 100.000 đồng dùng để đánh bạc, quá trình chơi không thắng không thua, thu giữ trong tiền tang 100.000 đồng.

Nguyễn Thị Kim L mang theo 1.500.000 đồng dùng để đánh bạc, quá trình chơi thua 1.100.000 đồng, bị thu giữ trong tiền tang 100.000 đồng.

Nguyễn Thị Kim E mang theo 1.500.000 đồng dùng để đánh bạc, Nguyễn Thị Mỹ V hùn 1.000.000 đồng, quá trình chơi thắng 200.000 đồng, thu giữ trong tiền tang 2.700.000 đồng.

Bùi Thanh Th là người làm cái chính, mang theo 6.000.000 đồng dùng để đánh bạc, quá trình chơi thua 1.400.000 đồng, đưa tiền xâu cho T 600.000 đồng (03 lần, mỗi lần 200.000 đồng), bị thu giữ trong người 4.000.000 đồng.

Tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 82.650.000đ, bao gồm tiền tang là 19.900.000 đồng, tiền thu giữ trong người các bị cáo dùng để đánh bạc là 62.750.000 đồng.

Ngoài các bị cáo tham gia đánh bạc bị bắt giữ, còn có 01 số đối tượng tham gia đánh bạc và đã bỏ về trước, chưa xác định được nhân thân.

Vật chứng: số tiền 82.650.000 đồng; 05 bộ bài tây 52 lá có 01 bộ đã sử dụng, 04 bộ chưa sử dụng; 01 tấm chiếu.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 382/2022/HS-ST ngày 21/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn C, Trần Văn Trà E, Nguyễn Phương A, Bùi Thanh Th, Dương Thị S, Nguyễn Thị P, Đoàn Văn M, Trần Thị Hồng N, Trương Văn T phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Phương A 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/4/2022.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Dương Thị S 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án (được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/4/2022 đến ngày 27/7/2022).

- Xử phạt bị cáo Trương Văn T 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án (được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/4/2022 đến ngày 10/5/2022).

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị P 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án (được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/4/2022 đến ngày 10/5/2022).

+ Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/4/2022.

- Xử phạt bị cáo Trần Văn Trà E 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/4/2022.

- Xử phạt Bùi Thanh Th 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án (được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/4/2022 đến ngày 10/5/2022).

- Xử phạt bị cáo Đoàn Văn M 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án (được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/4/2022 đến ngày 10/5/2022).

- Xử phạt bị cáo Trần Thị Hồng N 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án (được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 11/4/2022 đến ngày 12/4/2022).

Ngoài ra bản án còn xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 03 (ba) năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Xử phạt về tội “Đánh bạc” các bị cáo Nguyễn Thị P 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, Nguyễn Hữu N 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, Nguyễn Thị Mỹ V 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, Nguyễn Thị Q 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, Nguyễn Thị Kim L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, Nguyễn Thị Kim E 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, Nguyễn Thị L 02 (hai) năm tù, Huỳnh Thị T 09 (chín) tháng tù.

Ngày 22/12/2022 các bị cáo Trương Văn T, Bùi Thanh Th, Dương Thị S, Đoàn Văn M kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 26/6/2022 bị cáo Nguyễn Thị P kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 03/01/2023 bị cáo Trần Thị Hồng N kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKS-DA ngày 04/01/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xác định: Bản án hình sự sơ thẩm số 382/2022/HS-ST ngày 21/12/2022 của Tòa án nhân

dân thành phố Dĩ An xử phạt bị cáo Nguyễn Phương A 03 năm 03 tháng tù là chưa phù hợp; xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn C, Trần Văn Trà E, Bùi Thanh T dưới khung hình phạt và thấp hơn đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là không phù hợp, không đảm bảo nghiêm minh của pháp luật, cũng như không đảm bảo tình hình thực tế trên địa bàn thành phố Dĩ An về tội đánh bạc.

Các bị cáo trực tiếp thực hiện hành vi đánh bạc với số tiền 82.650.000 đồng, địa điểm đánh bạc là phòng trọ của Nguyễn Thanh T, tại địa chỉ: số 18, đường số 6, khu phố Thống Nhất 1, phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương là nơi công cộng, nơi sinh sống của nhiều công nhân, việc các bị cáo đánh bạc công khai tại phòng trọ này là thể hiện xem thường pháp luật, gây mất trật tự an ninh tại địa phương. Trong đó:

Bị cáo Nguyễn Phương A sử dụng số tiền 6.000.000 đồng để đánh bạc, bị cáo có tiền án về tội “Gây rối trật tự công cộng”, có nhân thân về tội “Đánh bạc” nhưng không lấy đó làm bài học mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo 03 năm 03 tháng tù là chưa phù hợp.

Bị cáo Bùi Thanh Th sử dụng 6.000.000 đồng vào việc đánh bạc, bị cáo là người cầm cái, trực tiếp đưa tiền xâu cho bị cáo T, thể hiện vai trò chính trong vụ án nhưng Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù là chưa phù hợp.

Các bị cáo Nguyễn Văn C, Trần Văn Trà E là những người có nhân thân xấu. Bị cáo C từng bị xét xử về tội “Cướp tài sản” và tội “Cướp giật tài sản”; bị cáo Trà E từng 02 lần bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc nhưng Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Ch, bị cáo Trà E mỗi bị cáo mức hình phạt 02 năm 06 tháng tù là chưa phù hợp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án:

Đơn kháng cáo của các bị cáo, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An trong hạn luật định nên Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương thụ lý và đưa vụ án ra xét xử theo trình tự phúc thẩm là đúng theo quy định tại các Điều 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An đối với các bị cáo Nguyễn Phương A, Nguyễn Văn C, Trần Văn Trà E, Bùi Thanh Th là có căn cứ, phù hợp với hành vi các bị cáo đã thực hiện nên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương vẫn giữ nguyên Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKS-DA ngày 04/01/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 382/2022/HS-ST ngày 21/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương theo hướng tăng hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Phương A, Nguyễn Văn C, Trần Văn Trà E, Bùi Thanh Th mỗi bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Đối với kháng cáo của các bị cáo Bùi Thanh Th, Dương Thị S, Nguyễn Thị P, Đoàn Văn M, Trần Thị Hồng N, Trương Văn T, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương xét thấy: bị cáo Trần Thị Hồng N hiện đang điều trị bệnh chạy thận, bị cáo có chồng là Nguyễn Văn C là đồng phạm trong vụ án; bị cáo S hiện sống chung như vợ chồng với bị cáo M cũng là bị cáo trong vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 382/2022/HS-ST ngày 21/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Trương Văn T, Nguyễn Thị P giảm mức hình phạt cho bị cáo T, bị cáo P từ 03 tháng đến 06 tháng tù; chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Dương Thị S, Trần Thị Hồng N giảm mức hình phạt mỗi bị cáo từ 03 tháng đến 06 tháng tù và cho bị cáo N, bị cáo S hưởng án treo. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Đoàn Văn M, Bùi Thanh Th.

Người bào chữa cho các bị cáo Dương Thị S, Nguyễn Thị P, Đoàn Văn M và Trương Văn T, Luật sư Phan Thúc Đ trình bày: thông nhất với đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về quan điểm giải quyết vụ án đối với bị cáo Sang, không đồng ý về quan điểm giải quyết đối với bị cáo P, M, T. Bởi lẽ các bị cáo Nguyễn Thị P, Đoàn Văn M và Trương Văn T sử dụng số tiền vào việc đánh bạc không lớn, các bị cáo có trình độ văn hóa thấp nhận thức còn hạn chế. Sau khi phạm tội các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có việc làm ổn định việc xử phạt tù giam là ảnh hưởng đến cuộc sống của họ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo P, M, T cho họ được hưởng án treo.

Các bị cáo không tự bào chữa, không tranh luận, trong lời nói sau cùng, các bị cáo Bùi Thanh Th, Dương Thị S, Nguyễn Thị P, Đoàn Văn M, Trần Thị Hồng N, Trương Văn T mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo; các bị cáo Nguyễn Phương A, Nguyễn Văn C, Trần Văn Trà E mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an thành phố Dĩ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định; các bị cáo kháng cáo trong thời hạn luật định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung: khoảng 21 giờ 00 phút ngày 11/4/2022, tại nhà trọ của Nguyễn Thanh T, địa chỉ: số 18, đường số 6, khu phố Thống Nhất 1, phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Thúy tổ chức cho Nguyễn Thị P, Huỳnh Hữu N, Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị Q, Trần Văn Trà E, Nguyễn Thị L, Nguyễn Phương A, Nguyễn Thị Mỹ V, Huỳnh Thị T, Bùi Thanh Th, Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Thị Kim E, Dương Thị S, Nguyễn Thị P, Đoàn Văn M, Trần Thị Hồng N, Trương Văn T đánh bạc dưới hình thức binh Ấn Độ 6 lá thắng thua bằng tiền với số tiền dùng để đánh bạc là 82.650.000đ. Hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn C, Trần Văn Trà E, Nguyễn Phương A, Bùi Thanh Th, Dương Thị S, Nguyễn Thị P, Đoàn Văn M, Trần Thị Hồng N, Trương Văn T và các bị cáo khác đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Hành vi của Nguyễn Thanh T đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Thanh T về tội “Tổ chức đánh bạc”; xét xử các bị cáo Nguyễn Văn C, Trần Văn Trà E, Nguyễn Phương A, Bùi Thanh Th, Dương Thị S, Nguyễn Thị P, Đoàn Văn M, Trần Thị Hồng N, Trương Văn T và các bị cáo khác về tội “Đánh bạc” là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương đối với các bị cáo Nguyễn Văn C, Trần Văn Trà E, Nguyễn Phương A, Bùi Thanh Th, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Đối với bị cáo Nguyễn Phương A, mặc dù bị cáo có tiền án về tội “Gây rối trật tự công cộng”, có nhân thân về tội “Đánh bạc”, tuy nhiên bị cáo đã chấp hành xong bản án, trong vụ án này bị cáo sử dụng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc không lớn. Sau khi phạm tội đã thể hiện thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, Hội đồng xét xử sơ thẩm xử phạt bị cáo 03 năm 03 tháng tù cũng đã đảm bảo răn đe, giáo dục bị cáo nên không có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An.

Các bị cáo Nguyễn Văn C, Trần Văn Trà E, mặc dù có nhân thân xấu. Bị cáo C từng bị xét xử về tội “Cướp tài sản” và tội “Cướp giật tài sản”; bị cáo Trà E từng 02 lần bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc. Tuy nhiên bị cáo C đã chấp hành xong bản án; bị cáo E đã chấp hành xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính, trong vụ án này các bị cáo E, C sử dụng số tiền vào việc đánh bạc không lớn. Sau khi phạm tội đã thể hiện thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo C, bị cáo Trà E mỗi bị cáo mức hình phạt 02 năm 06 tháng tù cũng đã đảm bảo răn đe, giáo dục bị cáo nên không có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An.

Bị cáo Bùi Thanh Th tham gia đánh bạc với vai trò là người làm cái, thể hiện vai trò chính trong vụ án, tính chất nguy hiểm cho xã hội của bị cáo Th cao hơn các bị cáo khác; bị cáo sử dụng 6.000.000 đồng vào việc đánh bạc nhưng Hội đồng xét xử sơ thẩm không phân hóa vai trò của bị cáo mà áp dụng Điều 54

Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Th 02 năm 06 tháng tù là chưa phù hợp, do đó kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An là có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Đối với kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Bùi Thanh Th, xét thấy, như phân tích nhận định trên, bị cáo Th tham gia đánh bạc với vai trò là người làm cái, thể hiện vai trò chính trong vụ án, tính chất nguy hiểm cho xã hội của bị cáo Th cao hơn các bị cáo khác, Hội đồng xét xử sơ thẩm xử phạt bị cáo Th 02 năm 06 tháng tù là còn nhẹ, bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp tình tiết giảm nhẹ mới nên không có căn cứ cho bị cáo hưởng án treo. Mặt khác, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An kháng nghị đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Th là có căn cứ nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Th.

Đối với kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Dương Thị S, Trương Văn T, Nguyễn Thị P, xét thấy: các bị cáo S, T mỗi người sử dụng số tiền 10.000.000 đồng vào việc đánh bạc, bị cáo P sử dụng 7.000.000 đồng vào việc đánh bạc, các bị cáo kháng cáo xin hưởng án treo nhưng không cung cấp tình tiết giảm nhẹ mới nên không có căn cứ cho các bị cáo T, S, P hưởng án treo. Tuy nhiên xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt mỗi bị cáo 03 năm tù là nặng; các bị cáo phạm tội có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự xem xét giảm một phần hình phạt cho các bị cáo.

Đối với kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Đoàn Văn M, xét thấy: bị cáo có nhân thân tốt, số bị cáo sử dụng số tiền 4.500.000 đồng vào việc đánh bạc, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo 02 năm tù là phù hợp, bị cáo kháng cáo xin hưởng án treo nhưng không cung cấp tình tiết giảm nhẹ mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo Mạnh.

Đối với bị cáo xin hưởng án treo Trần Thị Hồng N, xét thấy: ngày 29/9/2012 bị cáo N bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xử phạt 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và đương nhiên được xóa án tích theo khoản 2 Điều 69 Bộ luật Hình sự. Hiện nay bị cáo đang điều trị chạy thận theo chỉ định; mặt khác, bị cáo có chồng là Nguyễn Văn C là đồng phạm trong vụ án hiện đang bị tạm giam, quá trình điều tra, tại Tòa án cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có địa chỉ cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và việc không cách ly bị cáo ra ngoài xã hội cũng không gây nguy hiểm cho xã hội nên áp dụng Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP, Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP và Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo N được hưởng án treo, tạo điều kiện để bị cáo tự cải tạo, học tập, chữa bệnh, có điều kiện nuôi dạy con cái, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục theo quy định pháp luật.

[5] Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đối với bị cáo Bùi Thanh Th, Trần Thị Hồng N, Đoàn Văn M, Nguyễn Thị P, Trương Văn T là có căn cứ nên chấp nhận; quan điểm giải quyết đối với bị cáo Dương Thị S, Hội đồng xét xử nên chấp nhận một phần; quan điểm đối với các bị cáo còn lại là không phù hợp nên không chấp nhận.

[6] Quan điểm của người bào chữa cho các bị cáo: Dương Thị S, Nguyễn Thị P, Đoàn Văn M và Trương Văn T là không phù hợp nên không chấp nhận.

[7] Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[8] Án phí phúc thẩm: do kháng cáo của bị cáo Trần Thị Hồng N được chấp nhận nên bị cáo N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; kháng cáo của bị cáo Dương Thị S, Nguyễn Thị P, Trương Văn T được chấp nhận một phần nên các bị cáo S, P, T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; kháng cáo của bị cáo Bùi Thanh Th, Đoàn Văn M không được chấp nhận nên các bị cáo Th, M phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật; các bị cáo Nguyễn Văn C, Trần Văn Trà E, Nguyễn Phương A không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điểm a, b khoản 1 Điều 355, các Điều 356 và 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Thanh Thôn.

Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 382/2022/HS-ST ngày 21/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương về hình phạt đối với bị cáo Bùi Thanh Th.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 322; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Bùi Thanh Th 03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án (được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/4/2022 đến ngày 10/5/2022).

2. Không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương đối với các bị cáo Nguyễn Văn C, Trần Văn Trà E, Nguyễn Phương A.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 382/2022/HS-ST ngày 21/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương về hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Văn C, Trần Văn Trà E, Nguyễn Phương A.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 322; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày 11/4/2022.

- Xử phạt bị cáo Trần Văn Trà E 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày 11/4/2022.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Điều 58 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Phương A 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày 11/4/2022.

3. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đoàn Văn M.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 382/2022/HS-ST ngày 21/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương về hình phạt đối với bị cáo Đoàn Văn M.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 322; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đoàn Văn M 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án (được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/4/2022 đến ngày 10/5/2022).

4. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị Hồng N.

Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 382/2022/HS-ST ngày 21/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương về hình phạt đối với Trần Thị Hồng N.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự; Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

- Xử phạt Trần Thị Hồng N 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm là ngày 13/4/2023. Giao bị cáo N cho Ủy ban nhân dân phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì Ủy ban nhân dân phường Dĩ An phải thông báo cho Cơ quan Thi hành án hình sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương để tiến hành thủ tục theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi

phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

5. Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Dương Thị S, Nguyễn Thị P, Trương Văn T.

Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 382/2022/HS-ST ngày 21/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương về hình phạt đối với các bị cáo Dương Thị S, Nguyễn Thị P, Trương Văn T.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Dương Thị S 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án (được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/4/2022 đến ngày 27/7/2022).

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị P 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án (được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/4/2022 đến ngày 10/5/2022).

- Xử phạt bị cáo Trương Văn T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án (được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/4/2022 đến ngày 10/5/2022).

6. Về án phí:

Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo bị cáo Dương Thị S, Nguyễn Thị P, Trần Thị Hồng N, Trương Văn T, Nguyễn Văn C, Trần Văn Trà E, Nguyễn Phương A không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Bùi Thanh Th, Đoàn Văn M mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

7. Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (Vụ GDKT 1)
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV06 – Công an tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An (18);
- VKSND thành phố Dĩ An;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- Công an thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo (9);
- Lưu: Tổ HCTP, HSVA, PHT 30.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Sỹ Trứ